

Số: /2020/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày tháng năm 2020

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá sản phẩm  
dịch vụ thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2021**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết về Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;*

*Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BTC ngày ... tháng ... năm 2020 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và khung giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác năm 2021;*

*Căn cứ Nghị quyết số ..../2020/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2021;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số .../TTr-SNN ngày ... tháng ... năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2021.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình

thủ lợi Đăk Nông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ NN và PTNT;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư Pháp;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh,
- Báo Đăk Nông;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Bón**

## **QUY ĐỊNH**

**Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá sản phẩm  
dịch vụ thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2021**  
(Kèm theo Quyết định số:...../2020/QĐ-UBND ngày ....../...../2020  
của UBND tỉnh Đắk Nông)

### **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2021.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

b) Các tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền cho phép quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

c) Các tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

d) Các cơ quan thực hiện quản lý nhà nước về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 2. Nguyên tắc quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi**

1. Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác dựa trên Quyết định số ...../QĐ-BTC ngày ... tháng ... năm 2020 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và khung giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác năm 2021.

2. Quy định dựa trên điều kiện địa hình, dân trí, đặc điểm hiện trạng và quy mô công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh, biện pháp tưới, tiêu, cấp nước của các công trình thủy lợi, điều kiện quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; Hồ sơ phương án giá giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2021 của đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

3. Đảm bảo khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh trong việc tưới, tiêu, cấp nước phục vụ sản xuất dân sinh, kinh tế - xã hội và môi trường.

**Chương II**  
**QUY ĐỊNH GIÁ CỤ THỂ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI VÀ GIÁ SẢN PHẨM DỊCH VỤ THỦY LỢI KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2021**

**Điều 3.** Quy định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2021, cụ thể như sau:

1. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được tính theo Biểu sau:

<b>Stt</b>	<b>Sản phẩm, dịch vụ</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Tưới lúa trọng lực chủ động	Đồng/ha/vụ	1.293.201	Là biện pháp tưới cho lúa bằng công trình hồ đập, kênh, cống
2	Tưới lúa động lực chủ động	Đồng/ha/vụ	2.373.600	Là biện pháp tưới cho lúa bằng công trình trạm bơm
3	Tiêu lúa trọng lực chủ động	Đồng/ha/vụ	1.294.447	Là biện pháp tiêu cho lúa bằng kênh và công trình trên kênh
4	Cấp nước nuôi trồng thủy sản	Đồng/ha/vụ	2.919.246	Là biện pháp cấp nước bằng công trình hồ đập, kênh, cống và công trình và trạm bơm
5	Cấp nước chăn nuôi	Đồng/m <sup>3</sup>	1.001	Là biện pháp cấp nước chăn nuôi bằng công trình hồ đập, kênh, cống

a) Hệ số quy đổi diện tích tưới đối với các loại cây trồng về diện tích tưới lúa bằng biện pháp trọng lực chủ động, cụ thể như sau:

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới lúa một phần thì hệ số quy đổi bằng 0,4 lần tưới lúa trọng lực chủ động;

- Đối với tưới cho mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả vụ đông thì hệ số quy đổi bằng 0,4 lần tưới lúa trọng lực chủ động;

- Đối với tưới cho hoa, cây ăn quả, cây dược liệu và cây công nghiệp dài ngày bằng 0,8 lần tưới lúa trọng lực chủ động.

b) Hệ số quy đổi diện tích đối với các loại cây trồng về diện tích tưới lúa bằng biện pháp động lực chủ động, cụ thể như sau:

- Đối với tưới cho mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn kể cả vụ đông thì hệ số quy đổi bằng 0,4 lần tưới lúa động lực chủ động;

- Đối với tưới cho hoa, cây ăn quả, cây dược liệu và cây công nghiệp dài ngày bằng 0,8 lần tưới lúa động lực chủ động.

c) Hệ số quy đổi diện tích tiêu đối với các loại cây trồng về diện tích tiêu lúa bằng biện pháp trọng lực chủ động, cụ thể như sau:

- Đối với tiêu cho mạ, rau màu, cây công nghiệp ngắn kể cả vụ đông thì hệ số quy đổi bằng 0,4 lần tiêu lúa trọng lực chủ động;

- Đối với tiêu cho hoa, cây ăn quả, cây dược liệu và cây công nghiệp dài ngày bằng 0,8 lần tiêu lúa trọng lực chủ động.

2. Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác được tính theo Biểu sau:

Stt	Sản phẩm, dịch vụ	Đơn vị tính	Đơn Giá	Ghi chú
1	Cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp	Đồng/m <sup>3</sup>	970	Là hình thức cấp nước bằng công trình hồ, đập
2	Cho thuê mặt thoáng hồ chứa nuôi trồng thủy sản	Đồng/ha/năm	2.074.372	Là hình thức cho thuê mặt thoáng công trình hồ chứa

**Điều 4.** Giá quy định tại các khoản 1, 2 Điều 3 áp dụng đối với từng biện pháp tưới tiêu, từng vùng và được tính từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giữa tổ chức, cá nhân cung cấp và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm dịch vụ đến vị trí công trình thủy lợi đầu mối của công trình thủy lợi.

**Điều 5.** Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác tại Quy định này là chưa tính thuế giá trị gia tăng và Thuế tài nguyên.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan, chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung:

a) Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt diện tích tưới, tiêu hàng năm;

b) Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quyết định này.

2. Sở Tài chính chủ trì phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các thủ tục thanh toán, quyết toán tiền thu được từ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác.

3. UBND các huyện, thành phố thực hiện kiểm tra, rà soát và xác nhận diện tích tưới tiêu hàng năm, do đơn vị quản lý cung ứng dịch vụ công ích thủy lợi lập.

4. UBND xã, phường, thị trấn phối hợp với đơn các vị quản lý, cung ứng dịch vụ công ích thủy lợi tiến hành rà soát, xác nhận diện tích tưới tiêu hàng năm

5. Đơn vị quản lý, cung ứng dịch vụ thủy lợi

a) Rà soát, lập bảng kê diện tích tưới tiêu hàng năm do đơn vị mình quản lý, khai thác;

b) Lập kế hoạch tưới, tiêu, cấp nước theo từng diện tích, biện pháp tưới, tiêu;

c) Lập hồ sơ, trình Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt diện tích tưới, tiêu hàng năm;

d) Quản lý và sử dụng tiền thu được từ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác theo các quy định hiện hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Bốn**